

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 24/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Ngọc Minh

Ông Nguyễn Văn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Vi Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Ngô Nguyễn Khang D, tên gọi khác: Bi Con; sinh ngày 27/3/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 3/3 đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không rõ) và bà Ngô Thị Phi N; tiền án: Ngày 20/9/2017 TAND Quận 11 xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 86/2017/HSST), tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/10/2019; có mặt;

2. Lê Hoàng Tuấn K; sinh ngày 21/4/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 364/7/9 đường B, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng S và bà Lê Nguyễn Ngọc Ch; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2019; có mặt;

3. Huỳnh D Kh, tên gọi khác: Ba Lượm; sinh ngày 17/7/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 004 Chung cư N, Phường O, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc Th và bà Mai Xuân N; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2019; có mặt.

- Bị hại: Ông Lâm Minh Tr, sinh năm 2000; địa chỉ: 118 đường N, khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh T; xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lê Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1977; địa chỉ: 290/27B đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Là mẹ ruột của bị cáo Lê Hoàng Tuấn K; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Tuấn K:* Bà Phan Thị Trúc Thanh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 07/10/2019, Huỳnh D Kh, Lê Hoàng Tuấn K gặp Ngô Nguyễn Khang D tại hẻm 290 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10. K rủ D và Kh đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. K phân công: Kh điều khiển xe Honda Vision biển số: 59F2-147.17 chở K ngồi sau sẽ trực tiếp giật tài sản, D điều khiển xe Vision màu trắng biển số 59H1543.30, có nhiệm vụ cản trở người truy đuổi để K và Kh tẩu thoát. Kh và D đồng ý. Sau đó, cả ba điều khiển xe máy chạy qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt như đã bàn bạc.

Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày khi đi trên Đường 3/2, K trông thấy ông Lâm Minh Tr, sinh năm: 2000, địa chỉ: 118 N, Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh T, điều khiển xe máy chạy cùng chiều phía trước đang cầm điện thoại di động ở tay trái sử dụng. K chỉ cho Kh thấy rồi quay lại hỏi D “làm nha anh Bi”, D trả lời “làm thì làm”. Khi ông Tr dừng xe trước số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Kh điều khiển xe từ phía sau vượt lên áp sát bên trái xe ông Tr, K ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại di động của ông Tr rồi cả hai tăng ga bỏ chạy. Ông Tr tri hô và điều khiển xe đuổi theo. D liền điều khiển xe chạy lên phía trước xe của ông Tr cản trở việc truy đuổi. Lúc này, Tổ tuần tra phối hợp liên Quận 3, 10, Phòng PC 02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện và truy đuổi liên tục theo xe hai bị cáo Kh, K, đến trước số 02 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11 thì bắt giữ được Kh, K cùng vật chứng giao cho Công an Phường 15, Quận 11 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 điều tra làm rõ. Riêng D điều khiển xe chạy thoát.

Ngày 09/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Ngô Nguyễn Khang D.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 trưng cầu định giá chiếc điện thoại di động của ông Tr bị chiếm đoạt, theo Kết luận định giá tài sản số 103/YCĐG-HS ngày 15/10/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11 xác định giá trị: “Máy điện thoại di động hiệu Huawei Y9 màu đen đã qua sử dụng, có giá tại thời điểm ngày 07/10/2019 là 2.000.000 đồng.”

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 các bị cáo Lê Hoàng Tuấn K, Huỳnh Duy Kh và Ngô Nguyễn Khang D đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-Q11 ngày 10 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị cáo Ngô Nguyễn Khang D, Lê Hoàng Tuấn K và Huỳnh Duy Kh tội danh “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: các bị cáo không có bàn bạc từ trước mà chỉ khi gặp bị hại các bị cáo mới dừng xe lại, bị cáo K rủ các bị cáo Kh, D cùng chiếm đoạt tài sản của bị hại và K là người phân công nhiệm vụ của từng bị cáo và cách chia tiền sau khi chiếm đoạt được tài sản.

Bà Lê Nguyễn Ngọc Ch trình bày: Bà tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Lâm Minh Tr số tiền 1.450.000 đồng, bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị: Mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Nguyễn Khang D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, Lê Hoàng Tuấn K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, Huỳnh Duy Kh từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; đồng thời đề nghị trả lại cho bị cáo Huỳnh D Kh 01 điện thoại di động Nokia màu vàng, trả lại cho bị cáo Lê Hoàng Tuấn K 01 máy điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro màu đen, trả lại cho bị cáo Ngô Nguyễn Khang D 01 máy điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng; ghi nhận việc tự nguyện bồi thường của bà Lê Nguyễn Ngọc Ch về việc bồi thường cho ông Lâm Minh Tr số tiền 1.450.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo K trình bày: Thống nhất về điều khoản, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo K. Mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ sau đây cho bị cáo K: Bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản vì tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại chỉ bị thiệt hại số tiền 1.450.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo phạm tội còn ở tuổi vị thành niên, nông nổi nhất thời, chưa nhận thức đầy đủ hành vi phạm tội của mình, cha mẹ đã ly hôn nên thiếu sự quan tâm đầy đủ của gia đình. Các bị cáo có sự bàn bạc nhưng giản đơn, không chuẩn bị công cụ phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết định khung phạm tội “có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo K hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm trở lại làm lại cuộc đời.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày: Thống nhất việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ “lần đầu phạm tội” như người bào chữa đã nêu đối với bị cáo K. Bị cáo K phạm tội rất nghiêm trọng nên việc người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” là không phù hợp. Các bị cáo đều thừa nhận các bị cáo đã gặp nhau và phân công vai trò cụ thể của từng người và các bị cáo cũng đồng tình thực hiện theo sự phân công đó. Các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ, có chuẩn bị phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Việc bị cáo D không thể thực hiện được việc cản trở khi bị truy đuổi là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là chứng cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác. Ngoài ra, lời khai của bị cáo K tại Cơ quan điều tra còn có sự chứng kiến của người giám hộ, người bào chữa. Cho nên việc truy tố các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Có tổ chức” là đúng quy định. Bị cáo K là người chưa thành niên khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng nhận thức đầy đủ hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng nên mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 07/10/2019 tại trước nhà số 968 Đường 3 Tháng 2, Phường 15, Quận 11, bị cáo Huỳnh Duy Kh điều khiển xe mô tô chở bị cáo Lê Hoàng Tuấn K chạy áp sát bên trái xe ông Lâm Minh Tr, bị cáo K ngồi sau công khai, bất ngờ giật chiếc điện thoại di động hiệu Huawei Y9, trị giá 2.000.000 đồng của ông Lâm Minh Tr rồi cả hai nhanh chóng tăng ga bỏ chạy. Khi ông Tr tri hô và đuổi theo, bị cáo Ngô Nguyễn Khang D điều khiển xe Vision biển số 59H1 543.30 chạy lên cản trở việc truy đuổi.

Các bị cáo bằng thủ đoạn công khai, nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể của từng người và cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội theo sự phân công đã đề ra. Các bị cáo cũng đã chuẩn bị phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội đó là hai xe gắn máy, một xe xùng để giật tài sản, xe còn lại có nhiệm vụ cản trở khi bị truy đuổi. Các bị cáo cũng khai nhận đã bàn bạc luôn việc phân chia tài sản sau khi chiếm đoạt như thế nào... Tại phiên tòa các bị cáo khai là không có sự gặp gỡ, bàn bạc từ trước mà chỉ đến khi phát hiện bị hại mới nảy sinh ý định chiếm đoạt và dừng lại khoảng 2 đến 3 phút để cùng bàn bạc. Người bào chữa cho bị cáo K cũng cho rằng các bị cáo phạm tội chỉ là đồng phạm giản đơn là không có cơ sở, không phù hợp với những chứng cứ khác. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Có tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, theo quy định của pháp luật thì hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Có tổ chức” và “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, lười lao động bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo dùng phương tiện mô tô, xe máy cướp giật tài sản của người đi đường không chỉ làm mất an ninh, trật tự công cộng, gây thiệt hại về tài sản mà còn có thể gây ra tai nạn cho bị hại, những người tham gia giao thông. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Bị cáo K là người chủ mưu, khởi xướng, phân công cho các bị cáo khác và là

người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; hai bị cáo D, Kh là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cả 3 bị cáo đều quanh co, không thành khẩn nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết “Thành khẩn khai báo” đối với các bị cáo. Các bị cáo tỏ ra ăn ăn hối cải, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Hai bị cáo K và Kh lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, mặc dù tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nhưng tài sản đã bị hư hỏng cần phải sửa chữa. Ngoài việc gây thiệt hại về tài sản cho bị hại, hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây hoang mang, bất an cho người dân, gây mất an ninh, trật tự công cộng, có thể gây tai nạn cho bị hại hoặc những người tham gia giao thông khác. Nên việc người bào chữa cho bị cáo K đề nghị áp dụng tình tiết “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” cho bị cáo K là không có sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo D đã có một tiền án chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng do cố ý nên áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng chế tài đối với người chưa thành niên phạm tội.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Một điện thoại di động hiệu Huawei Y9 màu xanh đen, là tài sản của ông Lâm Minh Tr bị các bị cáo chiếm đoạt và bị màn hình bị bể, không thể mở nguồn điện thoại do bị rơi khi bị truy đổi. Công an đã xử lý vật chứng trả lại cho ông Tr;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số: 59H1-543.30, là phương tiện bị cáo Ngô Nguyễn Khang D sử dụng để phạm tội. Qua xác minh do bà Ngô Thị Phi N – mẹ của bị cáo D, là chủ sở hữu. Ngày 07/10/2019, bà N cho con trai là Ngô Nguyễn Khang D mượn xe máy để đi làm, đến tối cùng ngày D đem về trả xe lại cho bà N. Đến sáng ngày 08/10/2019, khi D bị Công an Quận 11 mời về làm việc, bà N mới biết D sử dụng xe của mình để đi chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Quận 11 đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe cho bà N.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, BS biển số: 59F2-147.17, hai bị cáo Kh, K sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh xe do ông Huỳnh Ngọc Th – cha của bị cáo Kh là chủ sở hữu. Ông Th khai, ông cho con trai là Huỳnh Duy Kh mượn xe để đi lại hàng ngày. Ngày 07/10/2019, Kh sử dụng xe mượn của ông Th làm phương tiện phạm tội ông Thạch không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã xử lý vật chứng trả lại xe máy trên cho ông Huỳnh Ngọc Th.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu vàng, Model 67000C-1, màn hình điện thoại bị hư, đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo Huỳnh Duy Kh, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Kh.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, màu đen, số Imei: 356458092119189, đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo Lê Hoàng Tuấn K, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo K.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng cùng sim số: 0938066229, là tài sản cá nhân của bị cáo Ngô Nguyễn Khang D, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Kh.

Về dân sự: Bị hại Lâm Minh Tr yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.450.000 đồng, là chi phí để sửa chữa điện thoại. Xét thấy yêu cầu của ông Tr là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên do thời điểm phạm tội bị cáo K chưa thành niên và không có tài sản riêng nên buộc mẹ của bị cáo là bà Lê Nguyễn Ngọc Ch cùng liên đới với các bị cáo Kh, D bồi thường cho ông Tr số tiền 1.450.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ch đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Tr số tiền 1.450.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50; điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ngô Nguyễn Khang D;

Căn cứ vào Điều 50; điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh D Kh;

Căn cứ vào Điều 50; điểm a, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Hoàng Tuấn K;

Tuyên bố các bị cáo Ngô Nguyễn Khang D, Lê Hoàng Tuấn K, Huỳnh Duy Kh phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Nguyễn Khang D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2019.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Duy Kh 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng Tuấn K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2019.

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Duy Kh 01 điện thoại di động Nokia, màu vàng, model 67000C-1, màn hình điện thoại bị hư, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng Tuấn K 01 máy điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, màu đen, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Ngô Nguyễn Khang D 01 máy điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng cùng sim số: 0938066229, đã qua sử dụng;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 110/LNK-HS ngày 15/10/2019).

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bà Lê Nguyễn Ngọc Ch bồi thường thiệt hại cho ông Lâm Minh Tr số tiền 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện thì bà Ch phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Nguyễn Ngọc Ch phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo, bà Lê Nguyễn Ngọc Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh Loan